

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Dự thảo đã được chỉnh sửa
theo ý kiến thẩm tra của
Ban KTNS – HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước;
Xét Tờ trình số 192 /TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 71/BC-HĐND-KTNS ngày 07 tháng năm 2022 của

Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 18/ 2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên danh mục tại số thứ tự thứ 6, điểm b, mục 1, Điều 1 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh từ:

Tại Nghị quyết đã ban hành:

STT	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Tiến độ triển khai
6	Công ty Cổ phần Năng lượng MT 1	Nhà máy điện năng lượng mặt trời	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	34,89	Đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch điện năng lượng mặt trời tại Công văn số 1632/TTg-CN ngày 20/11/2020

Nay điều chỉnh lại là:

STT	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Tiến độ triển khai
6	Công ty Cổ phần Năng lượng MT 2	Nhà máy điện năng lượng mặt trời	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	34,89	Đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch điện năng lượng mặt trời tại Công văn số 1632/TTg-CN ngày 20/11/2020

2. Điều chỉnh giảm 487,47 ha tại 06 dự án theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, do không thực hiện và thực hiện không hết diện tích trong năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Địa chỉ	Diện tích (ha)			Nghị quyết phân bổ chỉ tiêu cho dự án
			Diện tích được duyệt theo Nghị quyết	Diện tích đã thực hiện hoặc sẽ thực hiện trong năm 2002	Diện tích không thực hiện trong năm 2022, giao lại để bố trí cho dự án khác	
1	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi BP	Huyện Bù Đăng	24,7	0	24,7	18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi BP	Huyện Đồng Phú	15	11,5	3,5	22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019
3	Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé	Huyện Bù Đăng	22	15,75	6,25	08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
4	Đất Quỹ An sinh xã hội	Các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng	90	75,7	14,3	08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
5	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	Các huyện: Đồng Phú, Bù Gia Mập	600	180	420	08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
6	Diện tích dự trữ, chưa khảo sát, lựa chọn được chủ đầu tư		18,72	0	18,72	18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
Tổng			770,42	282,95	487,47	

3. Bổ sung 22 danh mục dự án mới với diện tích 436,99 ha, lấy từ 487,47 ha điều chỉnh giảm từ 06 dự án nêu trên (diện tích còn lại 50,48 ha), cụ thể như sau:

STT	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích	Tiến độ triển khai và căn cứ pháp lý
I	Các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước			69,11	

1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án xây dựng đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT 755 nối ĐT 753	xã Đồng Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	3,12	Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 và Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án xây dựng tuyến kết nối 753 B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	xã Đồng Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	7,69	Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 và Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	xã Minh Đức huyện Hớn Quản và các xã: Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Thiện, Lộc Thịnh huyện Lộc Ninh	49,80	Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 và Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico	xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản	3,50	Quyết định 1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh
5	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xây dựng bãi đáp trực thăng tại khu vực X16	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	2,00	Kết luận số 270-KL/TU ngày 09/5/2022 của Tỉnh ủy; Công văn số 1334/UBND-KT ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh
6	UBND huyện Bù Đốp	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (từ Đồn Biên phòng Hoàng Diệu qua Sông Măng đến cửa khẩu Hoàng Diệu)	xã Hưng Phước, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	3,00	Quyết định 3281/QĐ-UBND ngày 30/2/2021 của UBND tỉnh
II	Các dự án cấp đất cho đồng bào dân tộc, người dân khiếu nại kéo dài			143,46	

1	UBND huyện Lộc Ninh	cấp GCNQSD đất cho các hộ dân sống ổn định lâu năm tại xã Lộc Thịnh và Lộc Thành	xã Lộc Thịnh và Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	12,10	Người dân sống ổn định lâu năm và nhiều lần kiến nghị để được cấp GCNQSD đất
2	UBND huyện Bù Gia Mập	Cấp đất cho các hộ dân khiếu nại kéo dài, do cấp chồng GCNQSD đất trong lâm phần tại Thôn 3, xã Phú Văn	xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập	45,00	Thông báo 348/TB-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh
3	UBND huyện Bù Đăng	Cấp đất theo Chương trình 134 cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Phú Sơn	xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng	41,00	Quyết định 566/QĐ-UBND ngày 06/4/2006 của UBND tỉnh
4	UBND huyện Hớn Quản	Cấp đất cho 23 hộ dân khiếu nại kéo dài tại xã Minh Đức	xã Minh Đức, huyện Hớn Quản	45,36	Thông báo số 52/TB-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh
III	Các dự án đầu tư của Doanh nghiệp			224,42	
1	Công ty CP SX XD TM và NN Hải Vương	Xây dựng hệ thống cấp nước thô và đường ống dẫn nước	xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản	4,00	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
2	Công ty TNHH CN Lộc Thành Lộc Ninh	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	14,03	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Công ty TNHH Trang trại Chăn nuôi Lộc Phát VI	Mở rộng trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh	7,24	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư

4	Công ty TNHH Thương mại Mỹ Nga	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	11,80	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
5	Công ty TNHH CN Mỹ Nga	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	17,70	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
6	Công ty TNHH CNH Mỹ Nga	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	21,00	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
7	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Phước	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	38,00	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
8	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Việt (vị trí 1)	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	33,60	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
9	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Việt (vị trí 2)	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	15,60	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư

10	Công ty TNHH Chăn nuôi Hữu Thắng	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	34,01	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
11	Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phước	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	15,23	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
12	Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Thành	Xây dựng trang trại chăn nuôi heo	xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	12,21	Dự án được khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư
Tổng				436,99	

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 18/ 2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

